TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KT** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2021
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công- là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Kim Ch,** sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Chí X,** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông Lễ, xã BH, thị xã KT, tỉnh Long An**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Lê Thị Kim Ch trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Bà Ch và ông Nguyễn Chí X tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã BH, thị xã KT. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với cha mẹ bà Ch tại thị trấn TT. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông X thường xuyên uống rượu say về gây gỗ đánh bà, có nhiều lời lẽ xúc phạm bà cũng như cha mẹ. Vợ chồng thường xuyên cải vã, không hạnh phúc, hiện đã không còn sống chung với nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí X.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thị Kim Th, sinh ngày 20/12/2019, hiện đang do Bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông X cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ch và ông X không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông X không có ý kiến trình bày.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ mà đương sự cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung, Bản tự khai của nguyên đơn, Giấy xác nhận địa chỉ cư trú đối với bị đơn, Bản tự khai của nguyên đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về việc Bà Ch và ông X hiện không còn chung sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Kim Ch nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Chí X có địa chỉ cư trú tại xã BH, thị xã KT nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim Ch có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn ông X vắng mặt không tham gia hòa giải nên căn cứ Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ phần trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp thể hiện Bà Ch và ông X tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, thị xã KT nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Ch yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông X thường uống rượu say và có lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị đơn ông X vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.

Xét thấy, tại phiên tòa Bà Ch vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông X. Vụ án được đưa ra xét xử nhưng ông X vắng mặt như vậy chứng tỏ không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Ch và ông X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Ch.

Về con chung: Bà Ch và ông X có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thị Kim Th, sinh ngày 20/12/2019. Bà Ch trình bày đang trực tiếp nuôi con, ông X không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của Bà Ch cho Bà Ch được nuôi con chung. Về cấp dưỡng, do Bà Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn Bà Ch trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông X không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Kim Ch.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim Ch được ly hôn với ông Nguyễn Chí X.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim Ch được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Thị Kim Th, sinh ngày 20/12/2019, giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Chí X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí X có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Lê Thị Kim Ch có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Kim Ch cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì Bà Ch, ông X, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim Ch phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Bà Ch đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009401 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Bà Lê Thị Kim Ch đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
-UBND xã BH, thị xã KT, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung